

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 438/2017/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 9 - 2017
V/v tranh chấp không công nhận
vợ chồng giữa bà P với ông R

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ– TỈNH BẾN TRE.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Phúc

2. Ông Lê Văn Mút

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 389/2017/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp không công nhận vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2445/2017/QĐST- HNGĐ ngày 01/9/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1968 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: 210/3 ấp TTH, TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng R, sinh năm: 1968. Địa chỉ cư trú: 210/3 ấp TTH, TP, huyện P, tỉnh Bến Tre

(Ông Nguyễn Hoàng R có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 29/6/2017).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án bà Nguyễn Thị P trình bày:

Vào năm 1988, bà và ông Nguyễn Hoàng R tự nguyện tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian chung sống ông bà có hai con chung tên là Nguyễn Minh T1, sinh ngày 02/5/1989 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 02/10/2002, hiện cháu T2 đang sống chung với bà, còn cháu T1 đã trưởng thành.

Thời gian đầu, bà và ông R chung sống có hạnh phúc nhưng sau đó hai bên phát sinh mâu thuẫn do ông R thường xuyên uống rượu, xúc phạm và đánh đập bà, không quan tâm vợ con; bà và ông R không có sống chung từ năm 2016

cho đến nay. Nhận thấy tình cảm của bà và ông R không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông R là vợ chồng.

Về con chung: Con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 02/5/1989 đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Minh T2, sinh ngày 02/10/2002 và không yêu cầu ông R cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Nguyễn Hoàng R trình bày:

Ông thừa nhận về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng như lời trình bày của bà P.

Thời gian sống chung ông có thường xuyên uống rượu và cự cãi với vợ, không quan tâm vợ con nhưng ông không có đánh đập bà P. Ông không còn sống chung với bà P từ năm 2016 cho đến nay. Hiện nay ông bà cũng không có thiện chí hàn gắn với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau nên ông có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Bà P yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà P là vợ chồng thì ông đồng ý.

Về con chung: Cháu Nguyễn Minh T1 đã trưởng thành lập gia đình nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung tên Nguyễn Minh T2 thì ông đồng ý giao cho bà P được trực tiếp nuôi và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết

Do bận đi làm ăn xa không thể tham gia phiên tòa xét xử nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận Hội đồng xét xử nhận định;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp không công nhận vợ chồng” được quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Nguyễn Hoàng R, hiện có sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại 210/3 ấp TTH, TP, huyện P, tỉnh Bến Tre; do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Bà P và ông R sống chung với nhau như vợ chồng sau ngày 03/01/1987 mà không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân không hợp pháp và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án bà P, ông R thừa

nhận hôn nhân của ông, bà không mang lại hạnh phúc nên bà P, ông R yêu cầu Tòa án không công nhận ông, bà là vợ chồng phù hợp với quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Bà P và ông R có hai con chung tên là Nguyễn Minh T1, sinh ngày 02/5/1989 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 02/10/2002. Xét thấy: Xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án bà P, ông R thống nhất con chung tên Nguyễn Minh T2 do bà P trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời từ khi bà P và ông R không còn sống chung con chung do bà P trực tiếp nuôi dưỡng, con chung có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Mặc khác con chung cũng có nguyện vọng sống chung với bà P. Do đó sự tự nguyện thỏa thuận của bà P và ông R về việc nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do bà P không yêu cầu ông R cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với Nguyễn Minh T1 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình: Bà P phải chịu án phí không có giá ngạch.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, Điều 15, Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P. Không công nhận bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Hoàng R là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị P được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh T2, sinh ngày 02/10/2002. Do bà Nguyễn Thị P không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng R không cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Đối với con chung Nguyễn Minh T1 sinh, ngày 02/5/1989 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Hoàng R có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Hoàng R có thể thay đổi việc nuôi con hoặc đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình: Bà Nguyễn Thị P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú theo biên lai thu số 0010614 ngày 08/6/2017.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Thị Phê